

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG
trong quản lý rừng cao su bền vững

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	iv
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ	v
Một số khái niệm, thuật ngữ.....	1
PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG	5
1.1 Bối cảnh	5
1.2 Mục đích	6
1.3 Phạm vi áp dụng, đối tượng sử dụng.....	6
1.4 Điều kiện áp dụng	7
PHẦN II: CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC LIÊN QUAN ĐẾN KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG.....	8
2.1 Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Doanh nghiệp và Quyền con người	8
2.2 Quy định pháp lý của Việt Nam về KNCĐ trong QLRBV	9
2.2.1 Quy định về QLRBV	9
2.2.2 Quy định về tham vấn cộng đồng trong bảo vệ môi trường	13
2.3 Nguyên tắc quốc tế và FSC về kết nối, tham vấn cộng đồng trong QLRBV	17
2.3.1 Sự Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, có trước và được thông tin đầy đủ (PFIC)	17
3.1. Tham vấn cộng đồng trong xây dựng phương án QLRBV và vận hành phương án	20
3.1.1 Mục tiêu tham vấn.....	20
3.1.2 Chỉ số kết quả chính.....	20
3.1.3 Đối tượng tham vấn	20
3.1.4 Các nội dung chính	20
3.1.5 Các bước thực hiện.....	22
3.2. Tham vấn cộng đồng trong đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) và trữ lượng carbon cao (HCSF)	24
3.2.1 Mục tiêu tham vấn.....	24
3.2.2 Chỉ số kết quả chính.....	24
3.2.3 Đối tượng tham vấn	24
3.2.4 Các nội dung chính	25
3.2.5 Các bước thực hiện.....	25
3.3. Tham vấn cộng đồng trong đánh giá tác động Xã hội và Môi trường	28
3.3.1. Mục tiêu tham vấn.....	28
3.3.2. Kết quả và minh chứng chính	28

3.3.3.	Đối tượng tham vấn	28
3.3.4.	Các bước thực hiện.....	29
3.4.	Tham vấn cộng đồng khi thực hiện các hoạt động phát triển cộng đồng.....	32
3.4.1	Mục tiêu tham vấn.....	32
3.4.2	Đối tượng tham vấn	32
3.4.3	Các bước thực hiện.....	32
3.5.	Quy trình tiếp nhận và hồi đáp khiếu nại của cộng đồng và phòng ngừa, giải quyết xung đột 34	
3.5.1	Mục tiêu:.....	34
3.5.2	Đối tượng áp dụng hướng dẫn.....	34
3.5.3	Phạm vi áp dụng hướng dẫn.....	34
3.5.4	Các kênh tiếp nhận khiếu nại.....	35
3.5.5	Quy trình tiếp nhận và hồi đáp khiếu nại.....	35
3.5.6	Mẫu biểu phục vụ cho việc tiếp nhận và hồi đáp khiếu nại, góp ý, phàn nàn (Phụ lục.....). 39	
3.6.	Hướng dẫn tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá hoạt động kết nối cộng đồng	45
PHẦN IV: PHỤ LỤC		51
4.1	Một số mẫu biểu để tham vấn và phân tích.....	51
4.1.1	Sơ đồ	51
4.1.2	Sơ đồ cây nguyên nhân, hệ quả.....	53
4.1.3	Ma trận chấm điểm ưu tiên.....	55
4.1.4	Ma trận phân tích các bên liên quan.	56
4.1.5	Mẫu biên bản họp tham vấn cộng đồng.....	58
4.2	Nguyên tắc hành xử và kỹ năng dành cho cán bộ cộng đồng	61
4.2.1	Các nguyên tắc khi tham vấn cộng đồng	61
4.2.2	Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ lời nói.....	62
4.2.3	Kỹ năng lắng nghe	63
4.2.4	Kỹ năng quan sát.....	65
4.2.5	Kỹ năng đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi	66
4.2.6	Kỹ năng điều hành nhóm	68
4.2.7	Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong thảo luận và giải quyết tình huống khó.....	70
4.2.8	Kỹ năng giải quyết tình huống khó	72
4.2.9	Kỹ năng đàm phán	75
4.3	Tài liệu tham khảo	77

LỜI GIỚI THIỆU

Sổ tay Hướng dẫn Kết nối cộng đồng (KNCD) trong quản lý rừng cao su bền vững (QLRBV) được biên soạn theo Chương trình hợp tác giữa Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (Tập đoàn/VRG) với Tổ chức Oxfam tại Việt Nam (Oxfam) và Viện Tư vấn phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi (CISDOMA) nhằm hỗ trợ VRG và các đơn vị thành viên thúc đẩy Chương trình phát triển bền vững và đầu tư có trách nhiệm tại Việt Nam, tiến tới trở thành một doanh nghiệp tiên phong về thực thi trách nhiệm môi trường và xã hội, có nhiều đóng góp cho xã hội và cộng đồng, được ghi nhận trong nước và quốc tế, đặc biệt trong quản lý rừng cao su bền vững.

Mục đích của Sổ tay nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng cho các hoạt động kết nối, tham vấn ý kiến của cộng đồng, tiếp nhận và xử lý khiếu nại của cộng đồng liên quan đến các hoạt động đầu tư, sản xuất và phương án quản lý rừng cao su bền vững tại các dự án của Tập đoàn ở Việt Nam, đảm bảo tính tuân thủ với quy định pháp luật quốc gia và hài hòa với quy ước quốc tế trong tham vấn, kết nối cộng đồng.

Sổ tay này được xây dựng trên cơ sở tham khảo một số văn bản của VRG, trong đó có 1) Hướng dẫn tham vấn ý kiến cộng đồng tại các dự án phát triển cao su tại Lào và Campuchia, được ban hành theo văn bản số 1001/CSVN-BCĐCPC của VRG ngày 15/4/2014, 2) Quy chế tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị và cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức về các vấn đề liên quan đến dự án phát triển cao su của VRG tại Campuchia và Lào được ban hành theo Quyết định số 314/QĐ-HĐTVCSVN ngày 16/07/2014. Sổ tay được cập nhật theo một số quy định pháp lý về yêu cầu kết nối, tham vấn cộng đồng liên quan đến quản lý rừng và đất rừng, đồng thời, tham khảo các nguyên tắc trong Hướng dẫn về doanh nghiệp và quyền con người của Liên Hợp Quốc, bộ Tiêu chuẩn QLRBV của Hội đồng Quản trị rừng Quốc tế (FSC) áp dụng tại Việt Nam, Hướng dẫn thực hiện nguyên tắc FPIC (Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, có trước và được thông tin đầy đủ) của FSC trong tham vấn cộng đồng. VRG đã sử dụng các Tiêu chuẩn, Chính sách và Hướng dẫn của FSC làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng tài liệu này.

Nhờ sự tham gia của tư vấn biên soạn, đóng góp tích cực các chuyên gia, cán bộ và các thành viên của Tập đoàn thông qua các hội thảo, áp dụng thí điểm, Sổ tay được hoàn thành để làm công cụ giúp Tập đoàn triển khai hoạt động kết nối cộng đồng tại Việt Nam và là tài liệu tham khảo để tiến đến xây dựng Sổ tay Hướng dẫn Kết nối cộng đồng tại Campuchia và Lào trong thời gian tới.

Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được các ý kiến đóng góp để Sổ tay này được hoàn thiện hơn trong các lần tái bản sau.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trương Minh Trung

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT VÀ THUẬT NGỮ

BV	Bền vững
BNNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
CBCĐ	Cán bộ cộng đồng
CCR	Chứng chỉ rừng
CĐ	Cộng đồng
CoC	Chuỗi hành trình sản phẩm (Chain of Custody)
DN	Doanh nghiệp
DTTS	Dân tộc thiểu số
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
FSC	Hội đồng quản trị rừng thế giới (Forest Stewardships Council)
FPIC	Sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, có trước và được thông tin đầy đủ (Free, Prior and Informed Consent)
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao (High Conservation Value Forest)
IUCN	Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới/ Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên quốc tế (International Union for Conservation of Nature)
KNCD	Kết nối cộng đồng
KT-XH-MT	Kinh tế, xã hội, môi trường
NGO	Tổ chức phi chính phủ (Non-Governmental Organisation)
M&E	Giám sát và Đánh giá (Monitoring & Evaluation)
PEFC	Chương trình quốc tế công nhận Chứng chỉ rừng (Programme for the Endorsement of Forest Certification)
PTBV	Phát triển bền vững
PTCĐ	Phát triển cộng đồng
QLR	Quản lý rừng
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
TT 28/2018	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững.
TVCD	Tham vấn cộng đồng
UNDP	Cơ quan phát triển của Liên Hợp Quốc (United Nations Development Programme)
VFCS-CoC	Tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm thuộc Hệ thống Chứng chỉ rừng Việt Nam (Viet Nam Forestry Certification System – Chain of Custody)
VFCS-FM	Tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững thuộc Hệ thống Chứng chỉ rừng Việt Nam (Viet Nam Forestry Certification System – Forest Management)
VRA	Hiệp hội Cao su Việt Nam (Viet Nam Rubber Association)
VRG	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (Viet Nam Rubber Group)
WCED	Hội đồng thế giới về Môi trường và Phát triển (World Commission on Environment and Development)

Một số khái niệm, thuật ngữ¹

Bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn đa dạng sinh học là việc bảo vệ sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện; bảo vệ môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của loài hoang dã, cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên; nuôi, trồng, chăm sóc loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ và bảo quản lâu dài các mẫu vật di truyền.
Bên liên quan	Bất kỳ một người, một nhóm hay cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý rừng của chủ rừng.
Cán bộ cộng đồng	Là những cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp trực tiếp thực hiện, tham gia làm việc với cộng đồng để tham vấn, triển khai các dự án của DN cũng như các hoạt động KNCD.
Chủ rừng	Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định của pháp luật.
Chứng chỉ QLRBV	Là văn bản công nhận một phần hay toàn bộ diện tích rừng nhất định của chủ rừng đáp ứng các tiêu chí về Quản lý rừng bền vững.
Cộng đồng	Cộng đồng được hiểu là một nhóm người sống trong một khu vực địa lý nhất định. Cộng đồng được xác định như toàn bộ những người và tổ chức có khả năng bị tác động trực tiếp và gián tiếp bởi dự án bao gồm người và tổ chức sinh sống, làm việc, người có quyền sử dụng đất,...
Cộng đồng dân cư	Cộng đồng dân cư bao gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư tương tự và có cùng phong tục, tập quán.
Cộng đồng địa phương/Dân tộc tại chỗ	Người dân địa phương là những người sinh sống gần rừng và có sinh kế phụ thuộc rất lớn vào các sản phẩm và dịch vụ từ rừng. Người dân địa phương bao gồm cộng đồng dân tộc tại chỗ, người dân tộc thiểu số, người dân di cư và nông hộ ở khu vực nông thôn.
Đại diện cộng đồng	Là cá nhân hoặc nhóm người hoặc tổ chức được cộng đồng đề xuất làm đại diện. Tuy nhiên, khi đề cập đến cộng đồng cần thiết phải tiếp cận đến tất cả các đối tượng khác nhau trong cộng đồng hơn là việc chỉ tiếp cận đại diện cộng đồng.
Đa dạng sinh học	Đa dạng sinh học là sự phong phú về gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên.
Gỗ hợp pháp	Gỗ hợp pháp là gỗ, sản phẩm gỗ được khai thác, mua bán, sản xuất phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
Hành lang	Dải rừng liên kết giữa hai khu rừng mà dọc theo lối đi đó các loài động vật hoang dã có thể đi lại.

¹ WWF-Việt Nam (2018), Sổ tay hướng dẫn quản lý rừng Cao su bền vững theo tiêu chuẩn Chứng chỉ rừng Quốc tế; Luật Lâm nghiệp Việt Nam 2017

Hành lang đa dạng sinh học	Hành lang đa dạng sinh học là khu vực nối liền các vùng sinh thái tự nhiên cho phép các loài sinh vật sống trong các vùng sinh thái đó có thể liên hệ với nhau.
Hệ sinh thái	Hệ sinh thái là quần xã sinh vật và các yếu tố phi sinh vật của một khu vực địa lý nhất định, có tác động qua lại và trao đổi vật chất với nhau.
Kết nối cộng đồng	Kết nối cộng đồng: là tất cả các hoạt động mà doanh nghiệp thực hiện nhằm hiểu rõ hơn những tác động giữa hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đối với cộng đồng, những khó khăn, nhu cầu, mong muốn của cộng đồng, từ đó có những hành động nhằm giải quyết những khó khăn vướng mắc nhằm tăng cường sự gắn kết giữa doanh nghiệp với cộng đồng, đảm bảo phát triển bền vững.
Khiếu nại	Là những phản ánh, góp ý, phàn nàn (complaints, grievances) của cộng đồng và các chủ thể khác đến doanh nghiệp thể hiện sự không hài lòng của họ về những hành động hay thiếu sót của doanh nghiệp mà không tuân thủ hoặc vi phạm các yêu cầu của pháp luật hoặc các điều kiện để cấp các chứng chỉ cũng như các cam kết của chính doanh nghiệp. Khái niệm khiếu nại trong sổ tay này không bao gồm các trường hợp khiếu nại hành chính được quy định trong Luật Khiếu nại năm 2011 của Việt Nam.
Hồ sơ lâm sản	Là tài liệu về lâm sản được lưu giữ tại cơ sở sản xuất, kinh doanh lâm sản và lưu hành cùng với lâm sản trong quá trình khai thác, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, chế biến, cất giữ.
Lâm sản	Lâm sản là sản phẩm khai thác từ rừng bao gồm thực vật rừng, động vật rừng và các sinh vật rừng khác gồm cả gỗ, lâm sản ngoài gỗ, sản phẩm gỗ, song, mây, tre, nứa đã chế biến.
Loài đặc hữu	Loài đặc hữu là loài sinh vật chỉ tồn tại, phát triển trong phạm vi phân bố hẹp và giới hạn trong một vùng lãnh thổ nhất định của Việt Nam mà không được ghi nhận là có ở nơi khác trên thế giới.
Loài ngoại lai xâm hại	Loài ngoại lai xâm hại là loài ngoại lai lấn chiếm nơi sinh sống hoặc gây hại đối với các loài sinh vật địa phương, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển.
Loài nguy cấp, quý, hiếm	Loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ là loài hoang dã, giống cây trồng, giống vật nuôi, vi sinh vật và nấm đặc hữu, có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa - lịch sử mà số lượng còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng.
Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	Loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm là loài thực vật rừng, động vật rừng có giá trị đặc biệt về kinh tế, khoa học, y tế, sinh thái, cảnh quan và môi trường, số lượng còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng.
Phát triển cộng đồng	Phát triển cộng đồng là phương pháp giải quyết một số vấn đề khó khăn, đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, hướng tới sự phát triển không ngừng về đời sống vật chất và tinh thần của người dân thông qua việc nâng cao năng lực, tăng cường sự tham gia, đoàn kết, phối hợp chặt chẽ giữa người dân

	với nhau, giữa người dân với các tổ chức và giữa các tổ chức với nhau trong phạm vi một cộng đồng.
Quản lý rừng bền vững	Quản lý rừng bền vững là phương thức quản trị rừng bảo đảm đạt được các mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh.
Quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng	Quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt của chủ rừng đối với cây trồng, vật nuôi và tài sản khác gắn liền với rừng do chủ rừng đầu tư trong thời hạn được giao, được thuê để trồng rừng.
Quyền sử dụng rừng	Quyền sử dụng rừng là quyền của chủ rừng được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ rừng.
Rừng	Rừng là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên; độ tàn che từ 0,1 trở lên.
Rừng Cao su	Thuật ngữ dùng trong tài liệu này mang hàm ý về rừng trồng Cao su hay vườn Cao su hay đồn điền Cao su của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.
Rừng đặc dụng	Được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng, bao gồm vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài – sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan như rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; rừng tín ngưỡng; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia; rừng giống quốc gia.
Rừng phòng hộ	Được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng; được phân theo mức độ xung yếu.
Rừng sản xuất	Được sử dụng chủ yếu để cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.
Rừng tín ngưỡng	Rừng tín ngưỡng là rừng gắn với niềm tin, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư sống dựa vào rừng.

Rừng trồng	Rừng trồng là rừng được hình thành do con người trồng mới trên đất chưa có rừng; cải tạo rừng tự nhiên; trồng lại hoặc tái sinh sau khai thác rừng trồng.
Rừng tự nhiên	Rừng tự nhiên là rừng có sẵn trong tự nhiên hoặc phục hồi bằng tái sinh tự nhiên hoặc tái sinh có trồng bổ sung.
Tham vấn ý kiến cộng đồng	Tham vấn ý kiến cộng đồng là sự trao đổi thông tin giữa chủ dự án trong quá trình thực hiện dự án với các bên có liên quan đến dự án. Các bên liên quan có thể là: các cá nhân, tổ chức bị tác động bởi dự án đầu tư hoặc có mối quan tâm đến dự án đầu tư.
Vùng đệm	Vùng đệm là vùng rừng, vùng đất, vùng mặt nước nằm sát ranh giới của khu rừng đặc dụng có tác dụng ngăn chặn, giảm nhẹ sự tác động tiêu cực đến khu rừng đặc dụng.

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG

1.1 Bối cảnh

Kể từ khi được khởi xướng bởi Liên Hợp Quốc tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất năm 1992, phát triển bền vững đã trở thành một trong những định hướng bao trùm trong các chương trình nghị sự và ở tất cả các cấp độ hoạt động của các cơ quan chính phủ, trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

Năm 2011, Hội đồng Nhân quyền của Liên Hợp Quốc ban hành “Các Quy tắc Hướng dẫn về Doanh nghiệp và Quyền con người: Thực hiện khung pháp lý về “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục”, được Đại diện Đặc biệt của Tổng thư ký Liên Hợp Quốc về Quyền con người, các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp khác tham gia soạn thảo và đệ trình. Hướng dẫn này đưa ra những nguyên tắc và hướng dẫn chi tiết cho các chính phủ và doanh nghiệp nhằm đảm bảo các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp không vi phạm các nguyên tắc về tôn trọng, bảo vệ quyền con người.

Trong bối cảnh đó, Quản lý rừng bền vững là hướng đi tất yếu của các doanh nghiệp lâm nghiệp, DN quản lý rừng và trồng rừng nhằm đảm bảo sự thích ứng với môi trường kinh doanh toàn cầu, với biến đổi khí hậu, đồng thời, cũng thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với các vấn đề xã hội, cũng như trách nhiệm với các thế hệ tương lai. Đối với ngành Cao su, những năm gần đây, ngoài yêu cầu về chất lượng sản phẩm, các thị trường quan trọng của Cao su như Châu Âu, Mỹ, Nhật... còn đòi hỏi những yêu cầu cao hơn về trách nhiệm môi trường và xã hội của doanh nghiệp, chẳng hạn như yêu cầu nguồn gốc gỗ hợp pháp, yêu cầu về quản lý rừng Cao su bền vững. Kèm theo đó là các cơ chế giám sát việc tuân thủ các yêu cầu này như hệ thống giám sát nguồn gốc gỗ hợp pháp (VPA/FLEGT), hệ thống giám sát quản lý rừng bền vững theo chứng chỉ của Hội đồng Quản trị rừng Thế giới (FSC).

Ở cấp độ quốc gia, để có đủ cơ sở cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của Việt Nam cũng yêu cầu chủ rừng cần phải có phương án quản lý bền vững. Phương án quản lý rừng bền vững được xem như là một công cụ quan trọng để chủ rừng thực hiện các hoạt động quản lý rừng theo các nguyên tắc của quản lý bền vững và thể hiện trách nhiệm của chủ rừng với xã hội và môi trường.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) là doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam và trong khu vực hoạt động trong ngành Cao su với địa bàn hoạt động rộng lớn ở tiểu vùng Mê Kông, với thị trường tiêu thụ rộng khắp trên thế giới. Hoạt động của VRG không những đóng góp quan trọng trong việc phát triển ngành Cao su, đến quản lý rừng bền vững mà còn có tầm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, môi trường và xã hội của các cộng đồng dân cư nơi VRG hoạt động cũng như ở các thị trường tiêu thụ sản phẩm.